

**TOÀ ÁN NHÂN D
HUYỆN XT
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HS-ST

Ngày: 15/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN XT, TỈNH NAM ĐỊNH**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các hội thẩm nhân D:

Ông Phạm H Dụ;

Ông Nguyễn M Đức.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân D huyện XT, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện XT, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Ngô Văn THnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân D huyện XT, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn M, sinh ngày 10/6/1989 tại xã XH, huyện XT, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 33, xã XH, huyện XT, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T và bà Đ Thị H; gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ con;

- Tiền án:

+ Ngày 26/11/2013, bị Tòa án nhân D huyện XT, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”;

+ Ngày 29/6/2016, bị Tòa án nhân D tHnh phố H Giang, tỉnh H Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp Hnh xong ngày 28/4/2019.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/01/2021 đến ngày 06/02/2021 chuyển tạm giam; “có mặt”.

2. Phạm Văn H, sinh ngày 20/6/1989 tại xã XH, huyện XT, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 34, xã XH, huyện XT, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; D tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn THnh (đã chết) và bà Dương Thị H; gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án: Ngày 27/9/2018, bị Tòa án nhân D huyện XT, tỉnh Nam Định xử phạt 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy;

- Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/01/2021 đến ngày 06/02/2021 chuyển tạm giam; “có mặt”.

** Bị hại:*

1. Anh Đinh Văn D, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 3, xã Xuân Vinh, huyện XT, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

2. Ông Ngô Viết L, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm5, xã Xuân Tiến, huyện XT, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

3. Anh Trần Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 13, thị trấn XT, huyện XT, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

4. Anh Dương Xuân C, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 17, thị trấn XT, huyện XT, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

5. Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 2, xã Xuân Tiến, huyện XT, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bùi Văn M, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 2, thị trấn XT, huyện XT, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

2. Chị Phạm Thị B, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 2, thị trấn XT, huyện XT, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

** Người làm chứng:*

1. Chị Vũ Thị Thủy; “vắng mặt”;

2. Bà Phạm Thị L; “vắng mặt”;

3. Chị Đinh Thị Thúy H; “vắng mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu nên Phạm Văn M và Phạm Văn H bàn nhau cùng đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu.

Khoảng 04 giờ ngày 27/01/2021, M điều khiển xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 18F1-184.50 chở H đi quanh khu vực xã Xuân Vinh. Khi đến đoạn đường thuộc xóm 3, xã Xuân Vinh thì phát hiện tại lề đường trước cơ sở sản xuất cơ khí của ông Đinh Văn D có 1 đoạn ống kim loại thép, hình trụ tròn (ty máy ép thủy lực), chiều dài 172cm, đường kính 20cm, một đầu kín, một đầu rỗng giữa, trọng lượng 150kg. Quan sát không có người qua lại, M dựng xe rồi cùng H xuống vận chuyển ống kim loại để lên yên xe rồi chở H cùng ống thép kim loại đến điểm thu mua phế liệu của bà Vũ Thị Thủy ở xóm 32, xã XH, huyện XT tiêu thụ. M và H nói với bà Thủy là tài sản là của gia đình, bà Thủy nhất trí mua với giá 660.000đ. Số tiền này M và H đã chi tiêu hết.

Nhận được trình báo của bị hại, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác M, điều tra. Đến ngày 28/01/2021, bà Thủy đã tự giác giao nộp đoạn ống kim loại thép mua của M và H cho Cơ quan cảnh sát điều tra. Ngay sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện XT đã ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với M và H. Phạm Văn M đã tự giác giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 18F1 – 184.50 và đăng ký xe mang tên Bùi Văn M.

Tại Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐG ngày 02/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XT đã kết luận: 01 ty máy ép thủy lực bằng kim loại, chất liệu thép, chiều dài 172cm, đường kính 20cm, tHnh ống 1,5cm, trọng lượng 150kg tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 2.475.000đ.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra còn làm rõ, trong thời gian từ ngày 03/01/2021 đến ngày 24/01/2021, M và H còn 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện XT, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 05 giờ ngày 03/01/2021, M đi xe mô tô biển kiểm soát 18F1-184.50 chở H đi quanh khu vực xã Xuân Tiến với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn đường dọc thuộc xóm 5, xã Xuân Tiến, M và H phát hiện có 03 tấm tôn kim loại của nhà ông Ngô Viết L để bên lề đường, mỗi tấm có kích thước (40x50x1,5)cm, với tổng trọng lượng 50kg. M và H đã cùng nhau trộm cắp 03 tấm tôn này rồi mang đến điểm thu mua phế liệu của bà Phạm Thị L ở tổ 10, thị trấn XT bán được 450.000đ. Cả hai đã chia nhau chi tiêu hết số tiền này.

Lần thứ hai: Khoảng 05 giờ ngày 05/01/2021, M tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18F1-184.50 chở H đi quanh khu vực thị trấn XT với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn đường 488 thuộc tổ 13, thị trấn XT, M và H phát hiện tại lề đường trước xưởng cơ khí của ông Trần Văn T có để 01 đoạn ống kim loại dài 150cm, đường kính 13cm, thành ống dày 1cm, trọng lượng 50kg. M và H đã cùng nhau trộm cắp ống kim loại này rồi mang đến điểm thu mua phế liệu của bà Phạm Thị L ở tổ 10, thị trấn XT bán được 550.000đ. Cả hai đã chia nhau chi tiêu hết số tiền này.

Lần thứ ba: Khoảng 05 giờ ngày 18/01/2021, M tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18F1-184.50 chở H đi quanh khu vực thị trấn XT với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn đường 488 thuộc tổ 17, thị trấn XT, M và H phát hiện tại lề đường trước nhà ông Dương Xuân C có để 01 cuộn dây kim loại, trọng lượng 50kg. M và H đã cùng nhau trộm cắp ống kim loại này rồi mang đến điểm thu mua phế liệu của bà Đinh Thị Thúy H ở phố Bùi Chu, xã Xuân H bán được 120.000đ. Cả hai đã chia nhau chi tiêu hết số tiền này.

Lần thứ tư: Khoảng 05 giờ ngày 24/01/2021, M đi xe mô tô biển kiểm soát 18F1-184.50 chở H đi quanh khu vực xã Xuân Tiến với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn đường liên xã thuộc xóm 2, xã Xuân Tiến, M và H phát hiện bên lề đường trước cửa nhà anh Mai Văn Đ có để 02 thang kim loại, chất liệu sắt, mỗi thang có kích thước (300x30)cm, với tổng trọng lượng 60kg. M và H đã cùng nhau trộm cắp 02 thang kim loại rồi mang đến điểm thu mua phế liệu của bà Đinh Thị Thúy H ở phố Bùi Chu, xã Xuân H bán được 400.000đ. Cả hai đã chia nhau chi tiêu hết số tiền này.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐG ngày 19/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XT đã kết luận: Tổng số tài sản M và H chiếm đoạt các ngày 03, 05, 18 và 24 tháng 01 năm 2021 là 250kg sắt; mỗi cân sắt phế liệu có giá 7.500đ. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.875.000đ (một triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, M và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Trong quá trình điều tra, xác M, Công an huyện XT đã trả lại 01 ống thép kim loại cho ông Đinh Văn D, ông D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về bồi thường D sự. Số tài sản M và H trộm cắp các ngày 03, 05, 18 và 24 tháng 01 năm 2021 hiện không thu hồi được, bị hại là ông Ngô Viết L, ông Trần Văn T, ông Dương Xuân C, anh Mai Văn Đ không có yêu cầu gì về bồi thường D sự.

Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 04/5/2021 của Viện kiểm sát nhân D huyện

XT đã truy tố Phạm Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ Hành vi cũng như không có khiếu nại gì về các kết luận định giá tài sản đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá về Hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn M;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H;

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn M, Phạm Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn M từ 36 đến 39 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 18 đến 21 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử: Truy thu của các bị cáo số tiền 2.535.000đ do phạm tội mà có để sung ngân sách Nhà nước; trả lại cho vợ chồng anh Bùi Văn M và chị Nguyễn Thị B 01 xe mô tô biển kiểm soát 18F1-184.50 và đăng ký xe mang tên Bùi Văn M.

Các bị cáo không tự bào chữa, tranh luận gì và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện XT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân D huyện XT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

Tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 04 giờ, ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại khu vực xóm 3, xã Xuân Vinh, huyện XT, tỉnh Nam Định, các bị cáo Phạm Văn M và Phạm Văn H đã lén lút chiếm đoạt của ông Đinh Văn D 01 ty máy ép thủy lực bằng kim loại, chất liệu thép, chiều dài 172cm, đường kính 20cm, tHnh ống 1,5cm, trọng lượng 150kg có giá trị 2.475.000đ. Hình vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu tHnh tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với các Hình vi trộm cắp vào các ngày 03, 05, 18, và 24 tháng 01 năm 2021 có tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.875.000đ: Bị cáo M đã có tiền án về Hình vi chiếm đoạt tài sản nên lần này dù tài sản trộm cắp dưới 2.000.000đ thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”. Do vậy, bị cáo được xác định là phạm tội nhiều lần; ngoài ra, lần xét xử trước đã xác định Hình vi của bị cáo là tái phạm nên lần phạm tội này được xác định tái phạm nguy hiểm. Bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự về Hình vi chiếm đoạt tài sản nên Công an huyện XT đã ra quyết định xử phạt vi phạm Hình chính là phù hợp.

[4] Vì vậy, Hình vi của bị cáo Phạm Văn M đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Hình vi của bị cáo Phạm Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân D huyện XT đối với các bị cáo ra phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất nguy hiểm của Hình vi phạm tội: Hình vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân D. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực Hình vi, nhận thức được việc mình làm; bản thân các bị cáo đã từng bị kết án, chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo sửa chữa lỗi lầm cho bản thân mà tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, điều đó cho thấy các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự thì mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo cùng rủ nhau trộm cắp tài sản, bị cáo M chuẩn bị phương tiện là xe máy để đi trộm cắp tài sản nên có vai trò đầu trong vụ án.

[7] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hnh vi lần này của bị cáo M được xác định là tái phạm nguy hiểm nhưng đã xác định là tình tiết định khung nên không phải chịu tình tiết tăng nặng này. Nhưng do bị cáo đã thực hiện nhiều Hnh vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị có H có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải cách L các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ Hnh vi phạm tội của các bị cáo, có như vậy mới tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở tHnh công D có ích cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như quan điểm của đại diện viện kiểm sát đề nghị theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm D sự: Bị hại, ông Đinh Văn D đã nhận lại 1 đoạn ống kim loại thép, hình trụ tròn (ty máy ép thủy lực) và không yêu cầu bồi thường gì thêm về D sự nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Số tiền 660.000đ các bị cáo đã bán ống kim loại chất liệu thép cho chị Vũ Thị Thủy ngày 27 tháng 01 năm 2021 và số tiền 1.875.000đ bán tài sản trong các lần trộm cắp tài sản ngày 03, 05, 18, 24 tháng 01 năm 2021; mặc dù chị Thủy và các bị hại không có yêu cầu gì bồi thường D sự nhưng đây là tài sản do phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo để sung ngân sách nH nước. Chia theo phần thì phải truy thu của mỗi bị cáo số tiền 1.267.500đ.

[9] Về vật chứng và tài sản thu giữ: Chiếc xe mô tô các bị cáo dùng để chở nhau đi trộm cắp tài sản là tài sản hợp pháp của ông anh Bùi Văn M. Anh M không biết bị cáo M mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên trả lại chiếc xe và đăng ký xe cho vợ chồng anh Bùi Văn Mai và chị Phạm Thị B.

[10] Trong vụ án này Vũ Thị Thủy, Phạm Thị L, Đinh Thị Thúy H là những người đã mua tài sản do M và H trộm cắp. Xét quá trình giao dịch không

biết đó là tài sản do M và H phạm tội mà có, Cơ quan điều tra đã nhắc nhở đối với các bà là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn M;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H;

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn M, Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2021.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2021.

2. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Truy thu của các bị cáo số tiền 2.535.000đ do phạm tội mà có để sung ngân sách NH nước. Chia phần, bị cáo Phạm Văn M phải nộp số tiền 1.267.500đ (một triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng); bị cáo Phạm Văn H phải nộp số tiền 1.267.500đ (một triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18F1-184.50 kèm đăng ký xe cho vợ chồng anh Bùi Văn M và chị Phạm Thị B.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 39/CCTHA lập ngày 17/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện XT và Chi cục Thi Hành án D sự huyện XT).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phạm Văn M và Phạm Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án D sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã XH;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Phạm Văn Thung